

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 235 /TB- FOMECO

V/v mời tham gia lựa chọn tổ chức
thẩm định giá tài sản thanh lý

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Quý Nhà cung cấp

Trước hết, Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMECO) xin gửi tới Quý Nhà cung cấp lời chào trân trọng.

Hiện tại, FOMECO có nhu cầu tìm kiếm, lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản đối với lô tài sản thanh lý đợt 6 năm 2026. Nội dung cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản cần thẩm định giá

- a. Tên đơn vị có tài sản cần thẩm định giá: Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên.
- b. Địa chỉ: TDP Bãi Bông, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Thông tin tài sản thanh lý: Là tài sản cố định (chi tiết tại danh mục đính kèm).

3. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức thẩm định giá

- a. Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;
- b. Có tên trong danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện do Bộ Tài chính công bố;
- c. Có thẩm định viên đủ điều kiện hành nghề;
- d. Có ít nhất 01 hợp đồng thẩm định giá tài sản cố định/máy móc thiết bị tương tự trong 03 năm gần nhất;
- e. Đáp ứng thời gian Công ty yêu cầu hoàn thành dịch vụ thẩm định giá tài sản là không quá 30 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản.
- f. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí thẩm định giá tài sản phù hợp;
- g. Trong số các tổ chức đáp ứng đầy đủ các tiêu chí bắt buộc, Công ty lựa chọn tổ chức có giá dịch vụ thấp nhất.

4. Hồ sơ của Tổ chức thẩm định giá

a. Hồ sơ năng lực của tổ chức giám định bao gồm: Hồ sơ pháp lý, mô tả năng lực kinh nghiệm.

b. Bảng báo giá: Báo giá là Giá trọn gói cố định đã bao gồm: thuế GTGT, chi phí thẩm định giá, chi phí công tác, chi phí in ấn và phát hành Chứng thư gốc.

Hồ sơ của Tổ chức thẩm định giá được cho vào phong bì, được dán kín hoặc niêm phong đồng thời đóng dấu treo công ty lên chỗ dán phong bì thư.

Tổ chức thẩm định giá cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước FOMECO đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia Tổ chức thẩm định giá

a. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 26/9/2026 đến hết 11h30 ngày 05/10/2026 (Trong giờ hành chính).

b. Địa điểm nộp hồ sơ: Văn phòng- Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên.

- Địa chỉ: TDP Bãi Bông, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện.

c. Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên sẽ có văn bản thông báo kết quả cho tổ chức thẩm định giá được lựa chọn chậm nhất là ngày 07/10/2026, những đơn vị không được thông báo kết quả được hiểu là không được lựa chọn, Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên sẽ không hoàn trả hồ sơ với những đơn vị không được lựa chọn.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Giám đốc (để b/c);
- HĐQTTS;
- Đăng tải trên website Công ty;
- Lưu: VT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Đàm Duy Đức



BẢNG KÊ LÔ TÀI SẢN THANH LÝ ĐỢT 6 NĂM 2026

Đính kèm Thông báo số 235/TB/FOMECON ngày 25 tháng 9 năm 2026.

STT	Tên tài sản	Số máy	Mã số	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng
1	Máy phay HITACHI MACC-48V (PNC-01)	C22016-1	PNC-01	Nhật Bản	1982	2004	1
2	Máy tiện CNC Moriseki L-200V (TNC-70)		TNC-70	Nhật Bản		2010	1
3	Máy nén khí 3DSK-350 (NK-01)			Liên xô	1996	2013	1
4	Máy mài JANGURA mẫu JAG-04SP (M-108)	1030925C	M-108	Trung Quốc	2014	2014	1
5	Máy mài JANGURA mẫu JAG-04SP (M-109)		M-109	Đài Loan	2014	2014	1
6	Máy sấy khí CDX36A7 (NK-07)		NK-07			2011	1
7	Máy tiện CNC Moriseiki L-100V (TNC-64)	FM-186	TNC-64	Nhật Bản	1986	2008	1
8	Máy tiện kim loại Morisei L100V (TNC-109)		TNC-109	Nhật Bản		2014	1
9	Máy tiện CJK 300B (TNC-03)		TNC-03	Trung Quốc	2004	2005	1
10	Máy tiện CNC Mori seiki L-100V (TNC-142)		TNC-142	Nhật Bản	1989	2016	1
11	Máy phay ngang OKK MAH-450 (PNC-02)		PNC-02	Nhật Bản	1984	2004	1
12	Máy tiện điều khiển số CJK 300B (TNC-09)		TNC-09	Trung Quốc	2005	2005	1
13	Máy mài tròn CNC GA5N (MNC-02)		MNC-02				1
14	Máy mài lỗ CNC NACHI IG-80NC (MNC-07)	G7247	MNC-07	Nhật Bản	1986	2011	1
15	Máy mài lỗ CNC NACHI IG-80NC (MNC-06)	G7265	MNC-06	Nhật Bản	1986	2011	1
16	Máy mài lỗ CNC NACHI IG-80NC (MNC-07)(MNC-05)	G7247	MNC-07	Nhật Bản	1986	2011	1
17	Máy tiện TAKAMAZ TTK-2S (TNC-16)		TNC-16	Nhật Bản	1986	2007	1
18	Máy tiện kim loại Mori Seiki CL200B (TNC-122)		TNC-122	Nhật Bản	1998	2015	1

STT	Tên tài sản	Số máy	Mã số	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng
19	Máy tiện Wasino JF1 (TNC-145)		TNC-145	Nhật Bản	2006	2017	1
20	Máy xung CNC GS 450 (EDM-09)		EDM-09	Trung Quốc	2007	2007	1
21	Máy phun bi Q376 (PB-05)		PB-05	Trung Quốc		2010	1
22	Máy bắn bi Q3210 (PB-07)		PB-07	Trung Quốc	2011	2011	1
23	Máy đánh bóng hạt kim loại Q3210 (PB-10)		PB-10	Trung Quốc	2015	2015	1
24	Máy phun bi Q3210 (PB-02)		PB-02	Trung Quốc	2007	2007	1
25	Máy bắn bi CH100 (PB-03)		PB-03	Trung Quốc		2009	1
26	Xe nâng điện ngồi lái FB 25-5 (NĐ-04)		NĐ-04	Nhật Bản	1999	2013	1
27	Xe nâng điện đứng lái FRB 13-5 (NĐ-05)		NĐ-05	Nhật Bản	1999	2013	1
28	Xe nâng điện FR30 RFV-4 KOMATSU (NĐ-01)		NĐ-01	Nhật Bản	2003	2013	1
29	Máy mài lỗ 3A227 (M-34)	66	M-34	Liên Xô	1969	1975	1
30	Máy nén khí trục vít 37KW (KST37-2) NK-04	TC 38173	NK-04	Nhật Bản	1996	2013	1
31	Máy mài tròn 3K 227BT (M-86)	213	M-86	Liên Xô	Mất mát	2007	1
32	Máy mài vô tâm 3/185 (M-88)		M-88	Liên Xô		1975	1
33	Máy mài vô tâm England (M-89)		M-89	England	không mất	2010	1
34	Máy mài phẳng MF 3711		M-28	Liên Xô		2007	1
35	Máy nhúng sơn tự động			Việt Nam	2017	2017	1
36	Máy cán ren cơ TR-01			Nhật Bản		2013	1
37	Tủ phát điện trung tần MKF 300/40 (LTT-19)		LTT-19	Trung Quốc		2012	1

STT	Tên tài sản	Số máy	Mã số	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng
38	Tủ phát điện trung tần MKF 300/0-10 (LTT-17)		LTT-17	Trung Quốc		2014	1
39	Tủ phát điện trung tần MFK 300 KW (LTT-14)		LTT-14	Trung Quốc		2014	1
40	Tủ phát điện trung tần MFK 300/0-10 (LTT-01)		LTT-01	Trung Quốc		2014	1
41	Tủ phát tần số 300KW-6000 HZ 3x380V (LTT-12)		LTT-12	Trung Quốc		2012	1
42	Tủ phát tần số 300KW-6000HZ 3x380V (LTT-15)		LTT-15	Trung Quốc		2012	1
43	Lò nung phôi trung tần (LTT-09)		LTT-09	Trung Quốc		2007	1
44	Lò nung phôi trung tần KGPS-160-4 (LTT-04)			Trung Quốc		2007	1
45	Thiết bị phụ tùng dùng cho lắp ráp vòng bi cỡ nhỏ			Trung Quốc		2014	1
46	Máy hàn CO2/Mag (HK-42)		HK-42	Nhật Bản	2017	2017	1
47	Palăng cáp điện 2,8 tấn (CT-06)			Nhật Bản		2011	1
48	Cầu trục 2 tấn (CT-06)					2009	1
49	Palăng cáp điện 2,8 tấn (CT-07)					2011	1
50	Máy giặt CN					2013	1
51	Máy phun muối SW-06 (ĐL-54)		ĐL-54	T/Quốc		2017	1
52	Máy phô tô SHARP AR-M206					2010	1
53	Máy kéo Yamma 155 (MK-02)					2011	1
54	Máy photo SHARP AR - M206					2008	1
55	Ti vi TOSHIBA 42WL68E					2007	1
56	Máy chiếu EIKI LC-XB24					2007	1

03553
 ĐỒNG T
 PHẢ
 Ơ KH
 IỐ YÊ
 1 - T.TH

STT	Tên tài sản	Số máy	Mã số	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng
57	Thiết bị server mạng					2011	1
58	Máy chiếu SHARP PG-D3010X (XR-55X)					2011	1
59	Cổng chính (bộ cổng cửa inox model 104B)					2011	1
60	Hệ thống hút khói hàn			Việt Nam		2011	1
61	Máy dập 35 tấn SHINMORI (D-36)		D-36	Nhật Bản	1943	2007	1
62	Máy tiện CNC TAMAKI TSN-200SP (TNC-67)		TNC- 67	Nhật	1995	2008	1
63	Máy tiện CNC KNC-20F (TNC-14)		TNC-14	Nhật		2013	1
64	Máy hàn CO2/MAG XD350S (HK-17)		HK-17	Nhật	2010	2010	1
65	Máy tiện CNC SEIBU SNC-20P (TNC-73)		TNC-73	Nhật	1999	2010	1
66	Máy khoan lỗ sâu 2 đầu tự động Tanaka (KH-29)		KH-29	Việt nam		2017	1
67	Máy tiện kim loại Takamasu UX-5 (TNC-112)		TNC-112	Nhật	1993	2014	1
68	Máy tiện thủy lực FUJI FS CC-BPL-5 (TTL-56)		TTL-56	Nhật Bản	1944	2007	1
69	Máy tiện ASANO SL-80N (TTL-189)		TTL-189	Nhật	1960	2010	1
70	Máy đánh bóng rung XXZP A120 (ĐB-01)		DBR-01	Trung quốc	2014	2014	1
71	Máy tiện SUGA 3S-365 (TTL-119)		TTL-119	Nhật Bản		2009	1
72	Máy dập 120 tấn HORIE (D-131)		D-131	Nhật bản		2011	1
73	Máy kéo BS 24SA (MK-03) bông sen		MK-03	VN	1981	2016	1
74	Máy đo độ nhám SURF COM 590A (ĐL-48)	925806	ĐL-48	Nhật Bản			1
75	Máy cưa đĩa KLN2	8185		Nhật Bản	1956	2013	1

STT	Tên tài sản	Số máy	Mã số	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng
76	Máy tiện điều khiển số CJK 300B (TNC-05)	406113	TNC-05	Trung quốc	2004	2004	1
77	Pa lăng cáp điện treo 2,8T (Nhật Bản đã qua sd) (CT-08)			Nhật		2012	1
78	Xe ô tô TOYOTA Camry (20K-8126)		20K-8126	Nhật Bản	2005	2005	1
79	Xe ô tô con TOYOTA (20A-01302)		20A-013.02	Nhật Bản		2014	1
80	Xe tải THACO 2.95T (L-00337)		2.95T	VN		2011	1
81	Băng tải sấy (LO-35)			Nhật Bản			1



